

TÁC ĐỘNG CỦA ĐẶC ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY ĐẾN VIỆC THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC THẬN TRỌNG TRONG KẾ TOÁN TẠI CÁC CÔNG TY NIÊM YẾT TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

● BÙI VĂN HẠN

TÓM TẮT:

Nghiên cứu tìm hiểu tác động của đặc điểm quản trị công ty đến việc thực hiện nguyên tắc thận trọng trong kế toán tại 318 doanh nghiệp niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) giai đoạn 2015-2019. Kết quả cho thấy: Tỷ lệ sở hữu nhà nước (OWNGOV), Đòn bẩy tài chính (LEV) có tác động cùng chiều; Tỷ lệ thành viên không điều hành (BINDEP), Tỷ lệ thành viên có chuyên môn trong lĩnh vực kế toán - tài chính (BEXPERT), Tỷ lệ sở hữu của BGĐ (MANOWN) và Quy mô của doanh nghiệp (SIZE) có tác động ngược chiều; Kích cỡ của HĐQT (BSIZE), Chủ tịch HĐQT kiêm tổng giám đốc (DUAL) và Kiểm toán bởi công ty Big4 (BIG4) không có tác động đến việc thực hiện nguyên tắc thận trọng. Qua đó, nghiên cứu cung cấp các thông tin hữu ích cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước và các nghiên cứu khác trong việc phân tích, cũng như đánh giá chất lượng thông tin BCTC thông qua cách nhìn về Đặc điểm quản trị công ty, từ đó đưa ra các điều chỉnh và quyết định đối với thông tin mà doanh nghiệp công bố.

Từ khóa: kế toán, nguyên tắc thận trọng, quản trị doanh nghiệp, Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Đặt vấn đề

Thận trọng là một trong những nguyên tắc kế toán cơ bản nhất được áp dụng vào hoạt động kế toán của doanh nghiệp. Đã có rất nhiều nghiên cứu trước đó cho thấy nguyên tắc thận trọng khi được áp dụng mang đến rất nhiều lợi ích. Theo

Ball (2001), nguyên tắc thận trọng giúp Ban giám đốc nhanh chóng phát hiện các dự án có giá trị hiện tại âm. Hoặc nhiều lợi ích khác như thúc đẩy cơ hội đầu tư (Lara G. và cộng sự, 2009), tăng giá trị doanh nghiệp Watts (2003). Nhiều doanh nghiệp đã lợi dụng việc thực hiện nguyên tắc thận

trọng để làm đẹp cho báo cáo tài chính, gây ra sự bất cân xứng trong thông tin, ảnh hưởng đến tính chất của thông tin kế toán và việc vận dụng nguyên tắc thận trọng vào doanh nghiệp. Vì thế, doanh nghiệp cần có cơ chế giám sát thực hiện nguyên tắc thận trọng từ bên trong, lẫn bên ngoài. Khi quản trị công ty tốt thì các quyết định kinh doanh cùng hành động của Ban giám đốc sẽ thể hiện đúng ý chí của nhà đầu tư, cổ đông và những người có lợi ích liên quan khác. Rất nhiều nghiên cứu trước đó đã đưa ra bằng chứng cơ chế quản trị công ty tốt sẽ ảnh hưởng tích cực đến việc thực hiện nguyên tắc thận trọng như Lim (2011), Lara và cộng sự (2009),... Từ đó, nghiên cứu tập trung làm rõ các tác động của đặc điểm quản trị công ty đến việc thực hiện nguyên tắc thận trọng trong kế toán của các công ty được niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

2. Mô hình nghiên cứu

Nhằm mục đích tìm hiểu các yếu tố của đặc điểm quản trị công ty tác động đến việc thực hiện nguyên tắc thận trọng của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, tác giả dựa vào các nghiên cứu trước đó để đưa ra mô hình nghiên cứu như sau:

$$PB_{it} = \alpha + \beta_1 * BSIZE_{it} + \beta_2 * BINDEP_{it} + \beta_3 * BEXPERT_{it} + \beta_4 * MANOWN_{it} + \beta_5 * OWNGOV_{it} + \beta_6 * DUAL_{it} + \beta_7 * BIG4_{it} + \beta_8 * SIZE_{it} + \beta_9 * LEV_{it} + U_{it}$$

Trong đó:

- Biến phụ thuộc: Tính thận trọng (PB) là giá trị thị trường chia cho giá trị sổ sách của cổ phiếu.

- Biến độc lập:

+ BSIZE - Kích cỡ của Hội đồng quản trị (HĐQT), là Số lượng thành viên HĐQT.

+ BINDEP - Tỷ lệ thành viên không điều hành, BINDEP = Tỷ lệ thành viên HĐQT không điều hành trên tổng số lượng thành viên HĐQT.

+ BEXPERT - Tỷ lệ thành viên có chuyên môn trong lĩnh vực kế toán - tài chính, BEXPERT = Tỷ lệ thành viên HĐQT có chuyên môn trong lĩnh vực kế toán - tài chính trên tổng số thành viên HĐQT.

+ MANOWN - Tỷ lệ sở hữu của Ban giám đốc, MANOWN = Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các thành viên trong Ban giám đốc.

+ OWNGOV - Tỷ lệ sở hữu nhà nước, OWNGOV = Tỷ lệ sở hữu nhà nước.

+ DUAL - Chủ tịch HĐQT kiêm tổng giám đốc, DUAL = 1 nếu Chủ tịch HĐQT kiêm tổng giám đốc, ngược lại = 0.

+ BIG4 - Kiểm toán bởi công ty Big4, BIG4 = 1 nếu Kiểm toán bởi công ty Big4, ngược lại = 0.

- Biến kiểm soát:

+ SIZE - Quy mô của doanh nghiệp, SIZE = Logarit của Tổng tài sản.

+ LEV - Đòn bẩy tài chính, LEV = Tổng nợ phải trả chia Tổng tài sản.

3. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả sử dụng phần mềm Eview để xử lý dữ liệu của các biến trong mô hình sẽ được trình bày dưới dạng bảng thống kê mô tả, thông các nội dung như: tên biến, số mẫu, số trung bình, độ lệch chuẩn, giá trị cực tiểu và giá trị cực đại. Từ bảng thống kê mô tả, tác giả sẽ phân tích mức độ phù hợp của từng biến có trong mô hình.

Việc kiểm tra hiện tượng tự tương quan giữa các biến độc lập được thực hiện bằng cách thiết lập ma trận tương quan để tìm ra những cặp biến có hệ số tương quan cao. Để giảm thiểu đa cộng tuyến, nghiên cứu này sẽ loại bỏ một trong 2 biến có hệ số tương quan lớn hơn 0.8 (Gujarati, 2004).

Sử dụng phương pháp bình phương bé nhất (OLS) để ước lượng mô hình hồi qui, kiểm định tính vững, tính hiệu quả và tính không chệch của mô hình thông qua các kiểm định các khuyết tật của mô hình, như: hiện tượng đa cộng tuyến, hiện tượng tự tương quan, hiện tượng phương sai sai số thay đổi.

Sau khi lựa chọn ra được phương pháp hồi quy phù hợp với mô hình nghiên cứu, tác giả tiếp tục sử dụng các kiểm định cần thiết để kiểm tra các khuyết tật của mô hình, như: hiện tượng tự tương quan, hiện tượng đa cộng tuyến và phương sai sai số thay đổi... Bên cạnh đó, cần phải kiểm tra xem mô hình nghiên cứu có xuất hiện các biến không cần thiết hay không, hoặc mô hình nghiên cứu có bỏ sót biến thích hợp nào hay không.

Ngoài việc xem xét hiện tượng tự tương quan thông qua bảng ma trận tương quan như trên, tác giả còn phân tích khả năng xuất hiện tự tương quan giữa các biến trong mô hình nghiên cứu bằng cách dựa vào giá trị của Durbin - Watson có trong bảng kết quả hồi quy. Theo Hoàng Ngọc Nhậm và các cộng sự (2008), Hoàng Trọng và Chu Nguyễn

Mộng Ngọc (2011), nếu giá trị Dubin Watson $1 < D < 3$, có thể kết luận mô hình không có tự tương quan giữa các phần dư.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Kết quả nghiên cứu

Kết quả thống kê mô tả cho thấy:

- *Đối với biến phụ thuộc PB*: Tính thận trọng, Giá trị trung bình (GTTB) là 5.96753. Giá trị lớn nhất (GTLN) là 3033, giá trị này thuộc về CTCP Xuất nhập khẩu hàng không (HNX: ARM) năm 2019. Giá trị nhỏ nhất (GTNN) là -1.3, giá trị này thuộc về CTCP Tập đoàn Kỹ nghệ gỗ Trường Thành (HOSE: TTF) năm 2019.

- *Đối với biến BSIZE*: Kích cỡ hội đồng quản trị, GTTB là 5.629573. GTLN là 10, giá trị này thuộc về CTCP Đầu tư Cầu đường CII (HOSE: LGC) năm 2018. GTNN là 3, giá trị này thuộc về CTCP Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ (HNX: AMV) năm 2019.

- *Đối với biến BINDEP*: Tỷ lệ thành viên không điều hành, GTTB là 0.679435. GTLN là 1, giá trị này thuộc về CTCP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (HOSE: ACC) năm 2018 và 2019. GTNN là 0, giá trị này thuộc về CTCP Nam Việt (HOSE: ANV) năm 2016.

- *Đối với biến BEXPERT*: Tỷ lệ thành viên có chuyên môn trong lĩnh vực kế toán tài chính, GTTB là 0.107642. GTLN là 0.8, giá trị này thuộc về CTCP Đầu tư Thương mại SMC (HOSE: SMC) năm 2017. GTNN là 0, giá trị này thuộc về CTCP Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC (HOSE: ACC) năm 2019.

- *Đối với biến MANOWN*: Tỷ lệ sở hữu của ban giám đốc, GTTB là 0.087278. GTLN là 0,176, giá trị này thuộc về CTCP Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long (HOSE: CCL) năm 2019. GTNN là 0, giá trị này thuộc về CTCP Xuất nhập khẩu An Giang (HOSE: AGM) năm 2019.

- *Đối với biến OWNGOV*: Tỷ lệ sở hữu nhà nước, GTTB là 0.189022. GTLN là 1.6706, giá trị này thuộc về CTCP Phân lân Nung chảy Văn Điển (HOSE: VAF) năm 2019. GTNN là 0, giá trị này thuộc về CTCP Vận tải Xăng dầu đường Thủy Petrolimex (HOSE: PJT) năm 2019.

- *Đối với biến SIZE*: Quy mô của doanh nghiệp, GTTB là 14.00146. GTLN là 19.81628, giá trị này thuộc về Tập đoàn VINGROUP - CTCP (HOSE:

VIC) năm 2019. GTNN là 5.501442, giá trị này thuộc về CTCP Chiếu xạ An Phú (HOSE: APC) năm 2016.

- *Đối với biến LEV*: Đòn bẩy tài chính, GTTB là 0.472299. GTLN là 1.294470565, giá trị này thuộc về CTCP Tập đoàn Kỹ nghệ gỗ Trường Thành (HOSE: TTF) năm 2019. GTNN là 0.000284867, giá trị này thuộc về CTCP Đầu tư và Khoáng sản FLC AMD (HOSE: AMD) năm 2019.

Kết quả chạy ma trận hệ số tự tương quan cho thấy không có hệ số tương quan giữa hai biến độc lập vượt quá 0.8. (Bảng 1)

Đầu tiên, tác giả sẽ sử dụng kiểm định Hausman test để lựa chọn mô hình phù hợp hơn giữa FEM và REM. Kết quả kiểm định Hausman test được trình bày ở Bảng 2.

Kết quả tại Bảng 2, ta thấy giá trị P-value = 0 > 5% nên kết luận mô hình REM phù hợp hơn FEM.

Tiếp theo, tác giả sử dụng kiểm định F-Test (Likelihood test) để lựa chọn mô hình phù hợp hơn giữa FEM và Pooled OLS. Kết quả kiểm định Likelihood test được thể hiện ở Bảng 3.

Dựa vào kết quả trong Bảng 3, ta thấy giá trị P-value = 0 > 5% nên kết luận mô hình Pooled OLS phù hợp hơn FEM.

Kết luận: dựa vào 3 kiểm định trên, mô hình Pooled OLS phù hợp với dữ liệu nghiên cứu.

Bảng 4 kiểm tra hiện tượng tự tương quan giữa các biến trong mô hình. Kết quả cho thấy, giá trị P-value > 5%, nghĩa là mô hình không tồn tại hiện tượng tự tương quan.

Bảng 5 kiểm tra hiện tượng phương sai sai số thay đổi trong mô hình. Kết quả cho thấy, giá trị P-value > 5%, nghĩa là mô hình chưa phát hiện hiện tượng phương sai sai số thay đổi.

Để kiểm tra mô hình có hay không hiện tượng đa cộng tuyến, tác giả sử dụng hệ số VIF. Kết quả phân tích hệ số VIF được trình bày trong Bảng 6.

Theo Gujarati (2004), chỉ số VIF là một chỉ số quan trọng để nhận biết có hiện tượng đa cộng tuyến trong mô hình. Nếu chỉ số VIF xấp xỉ 10 được cho là có hiện tượng đa cộng tuyến nghiêm trọng. Kết quả được trình bày ở Bảng 6 cho thấy hệ số VIF của các biến trong mô hình đều rất thấp. Từ đó, có thể kết luận, không có hiện tượng đa cộng tuyến trong mô hình.

Bảng 1. Thống kê mô tả các biến trong mô hình

Variable Obs		Mean	Std. Dev	Min	Max
PB	656	5.96753	118.3805	-1.3	3033
BSIZE	656	5.629573	1.258247	3	10
BINDEP	656	0.679435	0.184075	0	1
BEXPERT	656	0.107642	0.145134	0	0.8
MANOWN	656	0.087278	0.152743	0	0.783327
OWNGOV	656	0.189022	0.253979	0	1.6706
DUAL	656	0.207317	0.405694	0	1
BIG4	656	0.378049	0.48527	0	1
SIZE	656	14.00146	1.812216	5.501442	19.81628
LEV	656	0.472299	0.22211	0.000285	1.294471

Nguồn: Tính toán của tác giả

Bảng 2. Kiểm định Hausman test

Test Summary	Chi-Sq. Statistic	Chi-Sq. d.f.	Prob.
Cross-section random	1.652656	9	0.9958

Nguồn: Tính toán của tác giả

Bảng 3. Kiểm định Likelihood test

Effects Test	Statistic	d.f.	Prob.
Cross-section F	1.098304	-3,171,258	0.1396

Nguồn: Tính toán của tác giả

Bảng 4. Kết quả kiểm tra hiện tượng tự tương quan (LM Test)

Breusch-Godfrey Serial Correlation LM Test:			
F-statistic	0.016325	Prob. F(2,640)	0.9838
Obs*R-squared	0.03326	Prob. Chi-Square(2)	0.9835

Nguồn: Tính toán của tác giả

Bảng 5. Kết quả kiểm tra hiện tượng phương sai sai số thay đổi

Heteroskedasticity Test: White			
F-statistic	0.587168	Prob. F(52,599)	0.9908
Obs*R-squared	31.6224	Prob. Chi-Square(52)	0.9885
Scaled explained SS	9764.877	Prob. Chi-Square(52)	0

Nguồn: Tính toán của tác giả

Bảng 6. Hệ số VIF

Variable	Coefficient	Uncentered	Centered
	Variance	VIF	VIF
C	2036.013	93.69396	NA
BSIZE	15.86254	24.33525	1.156666
BINDEP	809.8032	18.50113	1.265572
BEXPERT	1066.378	1.60449	1.035398
MANOWN	1163.999	1.655814	1.247788
OWNGOV	384.7684	1.783937	1.143512
DUAL	183.0172	1.705098	1.359894
BIG4	110.0964	1.927119	1.194104
SIZE	8.608881	79.00846	1.306184
LEV	503.3254	6.328938	1.145403

Nguồn: Tính toán của tác giả

4.2. Thảo luận

Dựa vào kết quả hồi quy theo Pooled OLS ở trên để giải thích và thảo luận kết quả nghiên cứu, đồng thời đối chiếu lại với giả thuyết nghiên cứu đã đặt ra. Kết quả cho thấy: Tỷ lệ sở hữu nhà nước (OWNGOV), Đồn bẫy tài chính (LEV) có tác động cùng chiều; Tỷ lệ thành viên không điều hành (BINDEP), Tỷ lệ thành viên có chuyên môn trong lĩnh vực kế toán - tài chính (BEXPERT), Tỷ lệ sở hữu của BGĐ (MANOWN) và Quy mô của doanh nghiệp (SIZE) có tác động ngược chiều; Kích cỡ của HĐQT (BSIZE), Chủ tịch HĐQT kiêm tổng giám đốc (DUAL) và Kiểm toán bởi công ty Big4 (BIG4) không có tác động đến việc thực hiện nguyên tắc thận trọng.

5. Kết luận và kiến nghị

Trong phạm vi nghiên cứu, tác giả đã tìm hiểu các nhân tố tác động của đặc điểm quản trị công ty

đến việc thực hiện nguyên tắc thận trọng trong kế toán của các công ty trên HOSE và HNX giai đoạn 2015 - 2019. Nghiên cứu đã thu được một số kết quả chính như sau:

- Biến Tỷ lệ sở hữu nhà nước (OWNGOV) có tác động cùng chiều đối với nguyên tắc thận trọng trong kế toán (Accounting conservatism).

- Các biến Tỷ lệ thành viên không điều hành (BINDEP), Tỷ lệ thành viên có chuyên môn trong lĩnh vực kế toán - tài chính (BEXPERT), Tỷ lệ sở hữu của BGĐ (MANOWN) và Quy mô của doanh nghiệp (SIZE) có tác động ngược chiều đối với nguyên tắc thận trọng trong kế toán (Accounting conservatism).

- Các biến Kích cỡ của HĐQT (BSIZE), Chủ tịch HĐQT kiêm tổng giám đốc (DUAL) và Kiểm toán bởi công ty Big4 (BIG4) không có mối quan hệ đối với nguyên tắc thận trọng trong kế toán (Accounting conservatism).

- Ngoài ra, nhóm nghiên cứu còn phát hiện Đồn bẫy tài chính (LEV) (biến kiểm soát) có tác động cùng chiều đối với nguyên tắc thận trọng trong kế toán (Accounting conservatism) và Quy mô của doanh nghiệp (SIZE) (biến kiểm soát) không có mối quan hệ đối với nguyên tắc thận trọng trong kế toán (Accounting conservatism).

Kết quả của nghiên cứu bổ sung vào các nghiên cứu về mối quan hệ giữa Đặc điểm quản trị công ty và việc thực hiện nguyên tắc thận trọng trong kế toán của các công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Bài nghiên cứu này sẽ là tài liệu hữu ích cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước và các nghiên cứu khác trong việc phân tích cũng như đánh giá chất lượng thông tin BCTC thông qua cách nhìn về Đặc điểm quản trị công ty, từ đó đưa ra các điều chỉnh và quyết định đối với thông tin mà doanh nghiệp công bố ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Hoàng Ngọc Nhậm và các cộng sự (2008). Giáo trình Kinh tế lượng. TP. Hồ Chí Minh: NXB Lao động - xã hội.
2. Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2011). Thống kê ứng dụng trong kinh tế - xã hội. TP. Hồ Chí Minh: NXB Lao động - xã hội.
3. Ball, R. J (1989), The firm as a specialist contracting intermediary: Applications to accounting and auditing. Working paper. University of Rochester.
4. Gujarati, D. (2004). Basic Econometric (Trans. S. Zain). Jakarta: Erlangga Publishers.

5. Lara, J. M. G., Osma, B. G., & Penalva, F. (2009). Accounting conservatism and corporate governance. *Review of accounting studies*, 14(1), 161-201.
6. Lim, R. (2011). Are corporate governance attributes associated with accounting conservatism? *Accounting & Finance*, 51(4), 1007-1030.
7. Watts, R. L. (2003). Conservatism in accounting part I: Explanations and implications. *Accounting horizons*, 17(3), 207-221.

Ngày nhận bài: 5/5/2023

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 20/5/2023

Ngày chấp nhận đăng bài: 7/6/2023

Thông tin tác giả:

BÙI VĂN HẠN

Văn phòng Tỉnh ủy tỉnh Long An

THE IMPACT OF CORPORATE GOVERNANCE CHARACTERISTICS ON THE IMPLEMENTATION OF THE PRINCIPLE OF PRUDENCE IN ACCOUNTING OF LISTED VIETNAMESE COMPANIES

● **BUI VAN HAN**

Long An Provincial Party Committee Office

ABSTRACT:

This study explores the impact of corporate governance characteristics on the implementation of the principle of prudence in accounting through data collected from 318 companies listed on the Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE) and Hanoi Stock Exchange (HNX) in the period 2016-2019. The results show that the state ownership ratio (OWNGOV) and the financial leverage (LEV) have a positive correlation, while the percentage of non-executive members (BINDEP), the percentage of members with expertise in accounting and finance (BEXPERT), the board ownership ratio (MANOWN), and the enterprise size (SIZE) have a negative correlation with the implementation of the principle of prudence. In addition, the Board of Directors (BSIZE), the Chairman cum CEO (DUAL), and the Big4 company audit (BIG4) have no impact on the implementation of the principle of prudence. This study is expected to provide useful information for investors, enterprises, state management agencies, and other researchers to analyze and evaluate the quality of financial statement information from the perspective of financial statements. As a result, stakeholders can make appropriate adjustments and decisions based on the information disclosed by the enterprise.

Keywords: accounting, the principle of prudence, corporate governance, Ho Chi Minh City Stock Exchange, Hanoi Stock Exchange.